

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm QĐ số 353/QĐ-CĐYT ngày 08/8/2022
của Hiệu trưởng trường CĐYT Bình Dương)*

1. Cao đẳng Điều dưỡng chính quy
2. Cao đẳng Hộ sinh chính quy
3. Cao đẳng Dược chính quy
4. Cao đẳng Dược VLVH
5. Trung cấp Y sỹ đa khoa chính quy

Bình Dương, năm 2022

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 353 /QĐ-CDYT

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-CDYT ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Y tế Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 20/7/2022 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Chương trình đào tạo theo tín chỉ các ngành (đính kèm):

1. Cao đẳng Điều dưỡng chính quy
2. Cao đẳng Hộ sinh chính quy
3. Cao đẳng Dược chính quy
4. Cao đẳng Dược vừa làm vừa học
5. Trung cấp Y sỹ đa khoa chính quy

Điều 2. Các chương trình này được áp dụng để tổ chức đào tạo cho các lớp nhập học từ tháng 9/2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng và khoa, toàn thể giảng viên và học sinh – sinh viên trường Cao đẳng Y tế Bình Dương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG CHÍNH QUY THEO TÍN CHỈ
(Ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-CDYT ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

- Tên ngành đào tạo : **Điều dưỡng**
- Mã ngành : 6720301
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : **Chính quy tập trung**
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương)
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

Chương trình khung đào tạo Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy theo tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐT BXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng đào tạo Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương đã tham khảo Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hiện đang được giảng dạy tại các trường Cao đẳng Y tế trong nước, Trường cũng đã tham khảo ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý Y tế tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, phòng khám Khu vực trong tỉnh và các tỉnh, thành phố khu vực miền Đông Nam Bộ.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, và hành nghề theo

tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về chính trị; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- Mô tả được những qui luật cơ bản về hoạt động, cấu tạo của cơ thể con người ở trạng thái bình thường và bệnh lý;
- Phân tích được quy luật của sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp cần và đủ để duy trì và cải thiện nhằm bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống;
- Vận dụng được những quy luật cơ bản trên vào quy trình chăm sóc, chẩn đoán điều dưỡng và phòng bệnh;
- Có một phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;
- Trình bày được các chính sách, pháp luật, của nhà nước trong công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng;
- Thực hành nghiên cứu khoa học, suy luận có khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, thực hành điều dưỡng;
- Sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng; thư điện tử; tìm kiếm tài liệu trên mạng Internet...
- Ngoại ngữ: năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Anh văn chuyên ngành có thể sử dụng để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật điều dưỡng phức tạp của chuyên khoa theo sự phân công của điều dưỡng phụ trách;
- Tham gia xây dựng, lập kế hoạch và thực hiện quy trình điều dưỡng, công tác quản lý ngành;
- Đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục;
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng phù hợp với văn hoá;
- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của bác sỹ, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý;
- Phối hợp và tham gia thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khỏe cộng đồng, đảm bảo an toàn chung;
- Thực hiện được việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp bệnh nặng, tai nạn;
- Có kỹ năng sử dụng thuốc hợp lý, an toàn;
- Tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng và các nhân viên y tế, liên tục đào tạo cho mình và cho người khác;

- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc, phòng và chữa bệnh;
- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật; thận trọng; đảm bảo tính khoa học, tính chính xác trong công việc;
- Thể hiện năng lực tự học, khiêm tốn học tập vươn lên.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người điều dưỡng trình độ cao đẳng được tuyển dụng và làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ở tất cả các cơ sở khám chữa bệnh ở các tuyến trung ương, tỉnh, huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.

Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực theo các chương trình chuyên sâu và nâng cao tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học chuyên ngành theo đúng quy định của Bộ Y tế; được liên thông lên Đại học và có thể học tiếp lên cao học.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học: 34 môn học
- Số tín chỉ: 97 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.730 giờ
- Khối lượng các môn cơ bản: 435 giờ
- Khối lượng các môn cơ sở và cơ sở ngành: 615 giờ
- Khối lượng các môn chuyên ngành: 1.530 giờ
- Khối lượng các môn tự chọn: 150 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 761 giờ
- Khối lượng thực tập tại trường: 547 giờ
- Khối lượng thực tập tại bệnh viện /cộng đồng + Thực tế tốt nghiệp: 1.332 giờ
- Kiểm tra: 90 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH - BẢNG MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG

3.1. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
HỌC PHẦN CƠ BẢN		14	435	156	67	188		24
1140353	Giáo dục Quốc phòng - An ninh /	0	75	36		35		4
1140392	Giáo dục thể chất /	0	60	5		51		4
1141057	Chính trị /	4	75	41	29			5
1140505	Tiếng Anh /	5	120	42	28	44		6
1140196	Tin học /	3	75	14		58		3
1140914	Pháp luật /	2	30	18	10			2
HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ CƠ SỞ NGÀNH		29	615	268	88	146	88	25
1140272	Sinh học và Di truyền	2	30	28				2
1140231	Hóa học	2	30	28				2
1131164	Giải phẫu - Sinh lý /	4	90	29	29	29		3
1141151	Hóa sinh /	2	30	28				2
1141031	Vi sinh - Ký sinh trùng /	2	45	14		29		2
1140621	Sinh lý bệnh	2	30	28				2
1110472	Dược lý	3	60	28	30			2
1111242	Điều dưỡng cơ sở 1 /	5	135	29		59	44	3
1111243	Điều dưỡng cơ sở 2 /	3	90	14		29	44	3
1110971	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người - Môi trường và vệ sinh /	2	45	14	29			2
1140773	Xác suất, Thống kê y học /	2	30	28				2
HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH		50	1530	323	58	0	1110	39
1141196	Tiếng Anh chuyên ngành /	2	45	14	29			2
1112411	Kiểm soát nhiễm khuẩn /	2	60	14			44	2
1110152	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm /	3	75	28			44	3
1140592	Y đức - Tổ chức Y tế	2	30	28				2
1111093	Y học cổ truyền /	2	60	14			44	2
1110962	Dinh dưỡng - Tiết chế /	2	60	14			44	2
1110096	Chăm sóc sức khỏe người	5	165	28			134	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
	lớn bệnh Nội khoa							
1111904	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	3	105	14			89	2
1110097	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	5	165	28			134	3
1111025	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	120	28			89	3
1111614	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	120	28			89	3
1140721	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	60	14			44	2
1111051	Phục hồi chức năng	2	60	14			44	2
1110674	Quản lý điều dưỡng - Thực hành nghiên cứu khoa học	4	75	43	29			3
1112176	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	105	14			89	2
1111676	Thực tế ngành	5	225	0			222	3
HỌC PHẦN TỰ CHỌN		4	150	14	0	0	134	2
1111654	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	4	150	14			134	2
1111661	Chăm sóc sức khỏe người lớn Ngoại khoa nâng cao	4	150	14			134	2
Tổng cộng		97	2730	761	213	334	1332	90

TH1 là thực hành tại lớp/thảo luận

TH2 là thực hành tại Phòng thí nghiệm/SKILL LAB

TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành

KT là kiểm tra

Ghi chú: Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ.

BẢNG PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC

Số TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
HỌC KỲ I		17	405	173	86	124	0	22
1	Chính trị	4	75	41	29			5
2	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0			2
3	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		6
4	Hóa học	2	30	28	0			2
5	Giáo dục thể chất		60	5	0	51		4
6	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	29	29	29		3
HỌC KỲ II		17	480	163	30	181	88	18
7	Hóa sinh	2	30	28	0			2
8	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	0	29		2
9	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	0		44	2
10	Điều dưỡng cơ sở 1	5	135	29	0	59	44	3
11	Dược lý	3	60	28	30			2
12	Tin học	3	75	14	0	58		3
13	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		75	36	0	35		4
HỌC KỲ III		17	495	112	29	29	312	13
14	Điều dưỡng cơ sở 2	3	90	14		29	44	3
15	Sinh lý bệnh	2	30	28				2
16	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
17	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	5	165	28			134	3
18	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	5	165	28			134	3
HỌC KỲ IV		17	495	126		0	354	15
19	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	60	14			44	2
20	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	75	28			44	3
21	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4	120	28			89	3
22	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	4	120	28			89	3
23	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	60	14			44	2
24	Phục hồi chức năng	2	60	14			44	2

Số TT	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
HỌC KỲ V		16	405	130	39	0	222	14
25	Y học cổ truyền	2	60	14			44	2
26	Y đức - Tổ chức Y tế	2	30	28				2
27	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	3	105	14			89	2
28	Pháp luật	2	30	18	10			2
29	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người - Môi trường và vệ sinh	2	45	14	29			2
30	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	105	14	0		89	2
31	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0			2
HỌC KỲ VI		13	450	57	29	0	356	8
32	Học phần tự chọn	4	150	14	0		134	2
33	Quản lý điều dưỡng - Thực hành nghiên cứu khoa học	4	75	43	29			3
34	Thực tế ngành	5	225	0	0		222	3
Tổng cộng		97	2730	761	213	334	1332	90

3.2. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

* Kiến thức cơ bản

1. Chính trị

Nội dung ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 6 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Tiếng Anh

Nội dung ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 1 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học Anh văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng giao tiếp thông dụng. Nhờ đó, giúp cho người học có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ chuyên ngành và thực hiện giao tiếp thông thường.

3. Pháp luật

Nội dung ban hành theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

Pháp luật là môn học nghiên cứu các kiến thức pháp luật cơ bản, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác y tế, quản lý và tổ chức bộ máy ngành y tế. Môn học này giúp cho người học nắm được lý luận và kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; nắm được nội dung chính của những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế. Xây dựng được ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, điều dưỡng.

4. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

5. Giáo dục Quốc phòng – An ninh

Nội dung ban hành theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Thông tư Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc

6. Tin học

Nội dung ban hành theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý hoạt động của máy tính, sử dụng được hệ điều hành WINDOWS, soạn thảo được trên MS WORD, tính toán được trên bảng tính MS EXCEL và một số phần mềm ứng dụng cơ bản khác như SPSS.

*** Kiến thức cơ sở và cơ sở ngành**

7. Sinh học và Di truyền

Trang bị cho người học những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người

8. Hóa học

Cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hóa học các nguyên tố; lý thuyết hóa vô cơ, hữu cơ, vận dụng được các kiến thức hóa học vào các môn học khác; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

9. Giải phẫu - Sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền.

Môn học này cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác; quan sát được cấu trúc vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu của cơ thể người bình thường qua kính hiển vi quang học. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn học khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

10. Hoá sinh

Điều kiện tiên quyết: Hóa học, Sinh học và Di truyền.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh học bao gồm: các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hóa năng lượng. Quan sát, thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng.

Vận dụng những kiến thức của môn học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

11. Vi sinh – Ký sinh trùng

Điều kiện tiên quyết: Hoá sinh, Sinh học và di truyền.

Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh vật học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch. Mối tương tác giữa vi sinh – cơ

thể con người, môi trường chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp.

Cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh, cấu tạo cơ quan và chu kỳ của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, đặc điểm dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

12. Sinh lý bệnh

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh.

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và chăm sóc bệnh nhân và nghiên cứu khoa học.

13. Dược lý

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Sinh lý bệnh.

Môn học này cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể.

Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông dụng; nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực tập; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

14. Điều dưỡng cơ sở 1

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản về điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển, các học thuyết về điều dưỡng, qui trình điều dưỡng; các kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh.

15. Điều dưỡng cơ sở 2

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1.

Trang bị cho người học những kiến thức về các kỹ thuật cơ bản và nâng cao trong chăm sóc người bệnh.

16. Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người – Môi trường và vệ sinh

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện các kỹ năng nâng cao sức khỏe.

Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản của tâm lý học y học và hành vi con người; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

Sức khỏe - Môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống của con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho người học kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó người học có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

17. Xác suất - Thống kê y học

Cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ... giúp cho người học biết cách vận dụng giải các bài toán ứng dụng và xử lý được các bài toán thống kê trong y học.

** Kiến thức chuyên ngành:*

18. Tiếng Anh chuyên ngành

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: sử dụng được 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh phù hợp tình huống thực tế với chuyên ngành khoa học sức khỏe trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh (Điều dưỡng và Hộ sinh).

19. Kiểm soát nhiễm khuẩn

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2

Trang bị cho người học cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

20. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Đại cương chăm sóc người bệnh truyền nhiễm; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực bệnh truyền nhiễm; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực bệnh truyền nhiễm; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh; Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

21. Y đức – Tổ chức y tế

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Cung cấp cho người học những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức điều dưỡng (của Hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.

Cung cấp cho người học kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương; Hệ thống tổ chức quản lý ngành điều dưỡng, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó.

22. Y học cổ truyền

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền dân tộc; Cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

23. Dinh dưỡng - Tiết chế

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Dinh dưỡng – Tiết chế là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này người học có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

24. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về:

Đại cương chăm sóc nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (Nội chung và các chuyên khoa hệ Nội); Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

25. Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về:

Đại cương về chăm sóc các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và đặc biệt; Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh); Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: ngộ độc... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh)

26. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa (Ngoại chung và các chuyên khoa hệ Ngoại); Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

27. Chăm sóc sức khỏe trẻ em

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Chăm sóc sức khỏe cho trẻ em (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc một số bệnh thường gặp).

28. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ: giai đoạn trước – trong và sau đẻ. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh).

29. Chăm sóc sức khỏe tâm thần

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Cung cấp kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý của hệ thần kinh, nêu lên những triệu chứng chính, cách phát hiện, các phương pháp xử trí ban đầu các bệnh chuyên khoa thần kinh - tâm thần thường gặp ở cơ sở.

30. Phục hồi chức năng

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Cung cấp kiến thức cơ bản về y học phục hồi, điều dưỡng phục hồi chức năng, chương trình điều dưỡng phục hồi chức năng cho một số bệnh, phục hồi chức năng ở cộng đồng.

31. Quản lý điều dưỡng - Thực hành nghiên cứu khoa học

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2

Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành điều dưỡng, khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý...

Vai trò người điều dưỡng trong đội chăm sóc người bệnh; những khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong việc thực hành chăm sóc.

Vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như Hội Điều dưỡng Việt Nam, Hội Điều dưỡng Quốc tế,...

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu khoa học và nâng cao chăm sóc sức khỏe người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu một cách khoa học.

32. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2, Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng).

Cách xác định được tình trạng sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe,...).

33. Thực tế ngành

Điều kiện tiên quyết: Người học phải được học qua tất cả các học phần trên.

Đợt thực tế ngành được thực hiện vào cuối khóa học, trước khi tốt nghiệp giúp cho người học có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện, ...

** Kiến thức tự chọn*

Học phần tự chọn 1:

34. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Học phần này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng những kiến thức cơ bản của một số bệnh của người cao tuổi thường gặp. Nội dung học phần này gồm nguyên nhân, biểu hiện của một số bệnh của người cao tuổi thường gặp, cách nhận định các triệu chứng và thực hiện kế hoạch chăm sóc một người bệnh cụ thể.

Học phần tự chọn 2:

34. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa nâng cao

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa (Ngoại chung và các chuyên khoa hệ Ngoại); Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học theo phương thức thực hành theo năng lực, nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành nghề nghiệp của người học.

4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm với 6 học kỳ chính.
- Nhà trường bố trí các môn học của 6 học kỳ đảm bảo được tính lôgic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để người học học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

4.4. Thực tập, thực hành và thực tế ngành

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

- Thực tế ngành được tổ chức vào cuối học kỳ VI (năm thứ 3) sau khi người học đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần qui định. Cơ sở, địa bàn cho người học đi thực tế ngành luôn đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thời gian học tập thực tế tăng cường tại các cơ sở y tế cho phép người học có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

4.5. Phương pháp dạy-học

Yêu cầu về phương pháp đào tạo là:

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của người học;
- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy-học thực hành mô phỏng, thực hành bệnh viện năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giáo viên hướng dẫn thực hành;
- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

5. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THI KẾT THÚC MÔN HỌC

- Trong quá trình dạy học thực hành tại cơ sở y tế, giảng viên nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở để thực hiện lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận;

- Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần; kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 1 tuần.

6. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp để quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2022



Nguyễn Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CAO ĐẲNG HỘ SINH CHÍNH QUY THEO TÍN CHỈ

*(Ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-CDYT ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)*

- Tên ngành đào tạo : **Hộ sinh**
- Mã ngành : 6720303
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : **Chính quy tập trung**
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông (hoặc tương đương)
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

LỜI GIỚI THIỆU

Chương trình khung đào tạo Cao đẳng Hộ sinh hệ chính quy theo tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng đào tạo Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương đã tham khảo Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hiện đang được giảng dạy tại các trường Cao đẳng Y tế trong nước, trường cũng đã tham khảo ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý Y tế tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, phòng khám Khu vực trong tỉnh và các tỉnh, thành phố trong khu vực Miền Đông Nam Bộ.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Hộ sinh trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề: có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản an toàn và hiệu quả cho phụ nữ,

bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản trong cộng đồng một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội; có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- Có kiến thức về cấu trúc và chức năng cơ thể con người, đặc biệt là về hệ thống sinh sản trong trạng thái bình thường và bệnh lý, những thay đổi về giải phẫu sinh lý của người phụ nữ trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời và trẻ em dưới 5 tuổi.

- Có kiến thức về khoa học xã hội để chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ em phù hợp về văn hoá, xã hội và tâm sinh lý.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, hợp tác với các nhân viên y tế khác, với bà mẹ, trẻ em và gia đình của họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và trẻ em.

- Có kỹ năng đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ em thông qua việc sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề, tiếp cận hệ thống và tư duy tích cực khi thực hành nghề nghiệp, để đảm bảo chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với các giai đoạn của cuộc đời người phụ nữ.

- Thực hành dựa trên bằng chứng sẵn có tốt nhất, áp dụng các kiến thức và kỹ năng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, sử dụng các nguồn lực sẵn có để đảm bảo sự chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ em an toàn, hiệu quả, phù hợp với những quy định về năng lực và chức năng, nhiệm vụ của hộ sinh theo quy định của Bộ Y tế.

- Sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng; thư điện tử; tìm kiếm tài liệu trên mạng Internet...

- Ngoại ngữ: năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Anh văn chuyên ngành có thể sử dụng để đọc và hiểu được tài liệu chuyên môn.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung, chăm sóc sức khỏe sinh sản nói riêng.

- Có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng, chu đáo đối với người phụ nữ, bà mẹ, trẻ em và gia đình của họ trong quá trình giao tiếp và chăm sóc.

- Có tinh thần hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cho các đối tượng nhằm tạo sự thuận tiện và được sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn, hiệu quả nhất.

- Tôn trọng và tận tụy với nghề, gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người hộ sinh trình độ cao đẳng được tuyển dụng và làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh chuyên về sản phụ khoa ở các tuyến trung ương, tỉnh, huyện, cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ Y tế.

Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực theo các chương trình chuyên sâu và nâng cao tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học chuyên ngành theo đúng quy định của Bộ Y tế; được liên thông lên Đại học và có thể học tiếp lên cao học.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học: 32 môn học
- Số tín chỉ: 97 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.700 giờ
- Khối lượng các môn cơ bản: 435 giờ
- Khối lượng các môn cơ sở và cơ sở ngành: 570 giờ
- Khối lượng các môn chuyên ngành: 1.545 giờ
- Khối lượng các môn tự chọn: 150 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 777 giờ
- Khối lượng thực tập tại trường: 547 giờ
- Khối lượng thực tập tại bệnh viện /cộng đồng + Thực tế ngành: 1.288 giờ
- Kiểm tra: 88 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH - BẢNG MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG

3.1. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
HỌC PHẦN CƠ BẢN		14	435	156	67	188		24
1140353	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0	75	36		35		4
1140392	Giáo dục thể chất	0	60	5		51		4
1141057	Chính trị	4	75	41	29			5
1140505	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		6
1140196	Tin học	3	75	14		58		3
1140914	Pháp luật	2	30	18	10			2
HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ CƠ SỞ NGÀNH		27	570	254	59	146	88	23
1140272	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0			2
1140231	Hóa học	2	30	28	0			2
1131164	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	29	29	29		3
1141151	Hóa sinh	2	30	28	0			2
1141031	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	0	29		2
1140621	Sinh lý bệnh	2	30	28				2
1110472	Dược lý	3	60	28	30			2
1111242	Điều dưỡng cơ sở 1	5	135	29	0	59	44	3
1111243	Điều dưỡng cơ sở 2	3	90	14		29	44	3
1140773	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28	0			2
HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH		52	1545	353	58	29	1066	39
1141196	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
1112411	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	0		44	2
1110152	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	75	28			44	3
1140592	Y đức - Tổ chức Y tế	2	30	28				2
1111093	Y học cổ truyền	2	60	14			44	2
1110962	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	60	14			44	2
1111232	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	3	75	28	0		44	3
1112117	Chăm sóc thai nghén	5	165	28	0		134	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
1112266	Bệnh lý liên quan đến thai kỳ	5	165	28	0		134	3
1130222	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ	5	120	44	0	29	44	3
1112197	Chăm sóc sau đẻ - Kế hoạch hóa gia đình	5	165	28	0		134	3
1112162	Chăm sóc sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi	4	120	28			89	3
1112171	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	3	105	14	0		89	2
1110674	Quản lý điều dưỡng - Thực hành nghiên cứu khoa học	4	75	43	29			3
1111676	Thực tế ngành	5	225	0	0		222	3
HỌC PHẦN TỰ CHỌN		4	150	14	0	0	134	2
1112271	Chăm sóc sức khỏe Vị thành niên và người cao tuổi	4	150	14	0		134	2
1112268	Chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa nâng cao	4	150	14	0		134	2
Tổng cộng		97	2700	777	184	363	1288	88

TH1 là thực hành tại lớp/thảo luận

TH2 là thực hành tại Phòng thí nghiệm/SKILL LAB

TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành

KT là kiểm tra

Ghi chú: Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ.

BẢNG PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					KT
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	
HỌC KỲ I		17	405	173	86	124	0	22
1	Chính trị	4	75	41	29			5
2	Sinh học và Di truyền	2	30	28	0			2
3	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		6
4	Hóa học	2	30	28	0			2
5	Giáo dục thể chất		60	5	0	51		4
6	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	29	29	29		3
HỌC KỲ II		17	480	163	30	181	88	18
7	Hóa sinh	2	30	28	0			2
8	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	0	29		2
9	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	60	14	0		44	2
10	Điều dưỡng cơ sở 1	5	135	29	0	59	44	3
11	Dược lý	3	60	28	30			2
12	Tin học	3	75	14	0	58		3
13	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		75	36	0	35		4
HỌC KỲ III		17	450	128	29	58	222	13
14	Điều dưỡng cơ sở 2	3	90	14	0	29	44	3
15	Sinh lý bệnh	2	30	28	0			2
16	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
17	Chăm sóc thai nghén	5	165	28	0		134	3
18	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ	5	120	44	0	29	44	3
HỌC KỲ IV		17	495	126	0	0	355	14
19	Dinh dưỡng - Tiết chế	2	60	14	0		44	2
20	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	3	75	28	0		44	3
21	Chăm sóc sau đẻ - Kế hoạch hóa gia đình	5	165	28	0		134	3
22	Chăm sóc sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi	4	120	28			89	3
23	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	3	75	28	0		44	3
HỌC KỲ V		16	420	130	10	0	267	13
24	Y học cổ truyền	2	60	14	0		44	2
25	Y đức - Tổ chức Y tế	2	30	28	0			2

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)					
			Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	KT
26	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	3	105	14	0		89	2
27	Bệnh lý liên quan đến thai kỳ	5	165	28	0		134	3
28	Pháp luật	2	30	18	10	0	0	2
29	Xác suất, Thống kê y học	2	30	28				2
HỌC KỲ VI		13	450	57	29	0	356	8
30	Học phần tự chọn	4	150	14	0		134	2
31	Quản lý điều dưỡng -Thực hành nghiên cứu khoa học	4	75	43	29			3
32	Thực tế ngành	5	225	0	0		222	3
Tổng cộng		97	2700	777	184	363	1288	88

3.2. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

* Kiến thức cơ bản

1. Chính trị

Nội dung ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 6 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Tiếng Anh

Nội dung ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 1 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học Anh văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng giao tiếp thông dụng. Nhờ đó, giúp cho người học có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ chuyên ngành và thực hiện giao tiếp thông thường.

3. Pháp luật

Nội dung ban hành theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

Pháp luật là môn học nghiên cứu các kiến thức pháp luật cơ bản, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác y tế, quản lý và tổ chức bộ máy ngành y tế. Môn học này giúp cho người học nắm được lý luận và kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; nắm được nội dung chính của những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế. Xây dựng được ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động y tế, điều dưỡng.

4. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

5. Giáo dục Quốc phòng – An ninh

Nội dung ban hành theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Thông tư Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc

6. Tin học

Nội dung ban hành theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Cung cấp cho người học thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý hoạt động của máy tính, sử dụng được hệ điều hành WINDOWS, soạn thảo được trên MS WORD, tính toán được trên bảng tính MS EXCEL và một số phần mềm ứng dụng cơ bản khác như SPSS.

** Kiến thức cơ sở và cơ sở ngành*

7. Sinh học và Di truyền

Trang bị cho người học những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức

về cơ sở vật chất và các quy luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người

8. Hóa học

Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết hóa học các nguyên tố; lý thuyết hóa vô cơ, hữu cơ, vận dụng được các kiến thức hóa học vào các môn học khác; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

9. Giải phẫu - Sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền.

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác; quan sát được cấu trúc vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu của cơ thể người bình thường qua kính hiển vi quang học. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn học khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

10. Hoá sinh

Điều kiện tiên quyết: Hóa học, Sinh học và Di truyền.

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về hóa sinh học bao gồm: các loại sinh chất chủ yếu của cơ thể sống và chuyển hóa của chúng ở tế bào, xúc tác sinh học, năng lượng sinh học và chuyển hóa năng lượng. Quan sát, thực hiện và hiểu được ý nghĩa của một số xét nghiệm cơ bản về hóa sinh lâm sàng.

Vận dụng những kiến thức của môn học vào việc nghiên cứu học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

11. Vi sinh – Ký sinh trùng

Điều kiện tiên quyết: Hoá sinh, Sinh học và di truyền.

Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh vật học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch. Mối tương tác giữa vi sinh – cơ thể con người, môi trường chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp.

Cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh, cấu tạo cơ quan và chu kỳ của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, đặc điểm dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

12. Sinh lý bệnh

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh.

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng phòng chống bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch. Cung cấp kiến thức cơ bản về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Vận dụng kiến thức của môn học vào việc học tập các môn điều dưỡng lâm sàng và chăm sóc bệnh nhân và nghiên cứu khoa học.

13. Dược lý

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Sinh lý bệnh.

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể.

Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông dụng; nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực tập; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

14. Điều dưỡng cơ sở 1

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản về điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển, các học thuyết về điều dưỡng, qui trình điều dưỡng; các kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh.

15. Điều dưỡng cơ sở 2

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1.

Trang bị cho người học những kiến thức về các kỹ thuật cơ bản và nâng cao trong chăm sóc người bệnh.

16. Xác suất - Thống kê y học

Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ... giúp cho người học biết cách vận dụng giải các bài toán ứng dụng và xử lý được các bài toán thống kê trong y học.

** Kiến thức chuyên ngành:*

17. Tiếng Anh chuyên ngành

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: sử dụng được 4 kỹ năng: Nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh phù hợp tình huống thực tế với chuyên ngành khoa học sức khỏe trong lĩnh vực chăm sóc người bệnh (Điều dưỡng và Hộ sinh).

18. Kiểm soát nhiễm khuẩn

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của người hộ sinh trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

19. Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Đại cương chăm sóc người bệnh truyền nhiễm; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực bệnh truyền nhiễm; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực bệnh truyền nhiễm; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh; Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

20. Y đức – Tổ chức y tế

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Cung cấp cho người học những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức điều dưỡng (của Hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người điều dưỡng Việt Nam.

Cung cấp cho người học kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương; Hệ thống tổ chức quản lý ngành điều dưỡng, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đó.

21. Y học cổ truyền

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền dân tộc; Cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành chăm sóc).

22. Dinh dưỡng - Tiết chế

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở

Dinh dưỡng – Tiết chế là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này người học có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

23. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – Sinh lý, Điều dưỡng cơ sở.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về sức khoẻ sinh sản bao gồm tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học; trang bị các kỹ năng chăm sóc sức khoẻ sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng; nguyên tắc và quy trình một số kỹ thuật trong điều trị và thực hiện chăm sóc người bệnh có bệnh lý về sức khoẻ sinh sản tại bệnh viện và tại cộng đồng.

24. Chăm sóc thai nghén

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – Sinh lý, Điều dưỡng cơ sở.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và sự phát triển của thai nhi. Đồng thời học phần cung cấp kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

25. Bệnh lý liên quan đến thai kỳ

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý bệnh, Điều dưỡng cơ sở.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường; tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ chuyển dạ đẻ bình thường.

26. Chăm sóc bà mẹ trong đẻ

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc thai nghén

Học phần cung cấp cho sinh viên:

- Những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường; tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ chuyển dạ đẻ bình thường.

- Những kiến thức cơ bản về những vấn đề khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi... trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ; tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ chuyển dạ đẻ khó để cuộc chuyển dạ và đẻ an toàn cho mẹ và con.

27. Chăm sóc sau đẻ - Kế hoạch hoá gia đình

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc bà mẹ trong đẻ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, trên cơ sở đó học sinh được trang bị kiến thức và kỹ năng giáo dục, truyền thông, tư vấn, cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả nhằm nâng cao sức khoẻ sinh sản cho tất cả các lứa tuổi trong cộng đồng.

Những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và bất thường; tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ trong quá trình sau đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.

28. Chăm sóc sơ sinh và trẻ dưới 5 tuổi

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sau đẻ - Kế hoạch hoá gia đình

Học phần này cung cấp kiến thức về:

- Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh, trẻ sơ sinh non tháng, bệnh lý; từ đó cung cấp kiến thức, kỹ năng về dinh dưỡng, chăm sóc trẻ sơ sinh (bao gồm cả hồi sức sơ sinh), phát hiện và xử trí các bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Sự phát triển và trưởng thành của trẻ dưới 5 tuổi bình thường, các giai đoạn phát triển của trẻ, các nguyên nhân thường gặp dẫn đến thay đổi bất thường và vai trò của hộ sinh trong hướng dẫn bà mẹ theo dõi, chăm sóc trẻ; tham gia quá trình điều trị và chăm sóc những trẻ có bệnh lý hoặc bất thường trong quá trình phát triển.

29. Chăm sóc sức khoẻ sinh sản cộng đồng

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở.

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng, vai trò của người hộ sinh lĩnh vực này. Cách xác định được tình trạng sức khoẻ cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khoẻ tại cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khoẻ, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khoẻ sinh sản)

30. Quản lý điều dưỡng -Thực hành nghiên cứu khoa học

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1 và 2

Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý và ứng dụng của nó trong hoạt động quản lý ngành y tế và ngành điều dưỡng, khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý...

Vai trò người điều dưỡng trong đội chăm sóc người bệnh; những khái niệm, chức năng, nhiệm vụ trong việc thực hành chăm sóc.

Vai trò của các tổ chức nghề nghiệp như Hội Điều dưỡng Việt Nam, Hội Điều dưỡng Quốc tế,...

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu khoa học và nâng cao chăm sóc sức khoẻ người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu một cách khoa học.

31. Thực tế ngành

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải được học qua tất cả các học phần trên.

Đợt thực tế ngành được thực hiện vào cuối khóa học, trước khi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của hộ sinh, hộ sinh trưởng, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiết khuẩn tại bệnh viện, ...

*** Kiến thức tự chọn**

Học phần tự chọn 1:

32. Chăm sóc sức khỏe Vị thành niên và người cao tuổi

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải được học qua tất cả các học phần trên.

Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về: Sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên và người cao tuổi, các nhu cầu của tuổi vị thành niên và người cao tuổi, các nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và người cao tuổi, kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe cho tuổi vị thành niên và người cao tuổi. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện kỹ năng giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên và người cao tuổi.

Học phần tự chọn 2:

32. Chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa nâng cao

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải được học qua tất cả các học phần trên.

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến phẫu thuật trong sản khoa: Chỉ định phẫu thuật; Chuẩn bị cho một cuộc phẫu thuật; Các phương pháp vô cảm; Các tai biến, biến chứng trong phẫu thuật sản khoa và cách xử trí ban đầu

Trên cơ sở đó sinh viên có thể lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc an toàn và hiệu quả cho một trường hợp phẫu thuật trong sản khoa.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tạo điều kiện cho sinh viên học theo phương thức thực hành theo năng lực, nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành nghề nghiệp của sinh viên.

4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm với 6 học kỳ chính.

- Nhà trường bố trí các môn học của 6 học kỳ đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

4.4. Thực tập, thực hành và thực tế ngành

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

- Thực tế ngành được tổ chức vào cuối học kỳ VI (năm thứ 3) sau khi sinh viên đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần qui định. Cơ sở, địa bàn cho sinh viên đi thực tế ngành đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thời gian thực tập được thực hiện tại các cơ sở: Bệnh viện, Trung tâm y tế, phòng khám khu vực, trạm y tế phường - xã tạo điều kiện cho sinh viên nhà trường có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

4.5. Phương pháp dạy-học

Yêu cầu về phương pháp đào tạo là:

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên;
- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy-học thực hành mô phỏng, thực hành bệnh viện năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giáo viên hướng dẫn thực hành;
- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

5. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THI KẾT THÚC MÔN HỌC

- Trong quá trình dạy học thực hành tại cơ sở ngoài trường, giảng viên nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở để thực hiện lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học;

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận;

- Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần; kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 1 tuần.

6. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp để quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CAO ĐẲNG DƯỢC HỆ CHÍNH QUY THEO TÍN CHỈ
(Ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-CDYT ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

- Tên ngành đào tạo : **Dược**
- Mã ngành : 6720201
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy tập trung
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương)
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

Chương trình khung đào tạo Cao đẳng Dược hệ chính quy theo tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐT BXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng đào tạo Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương đã tham khảo Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hiện đang được giảng dạy tại các trường Cao đẳng Y tế trong nước, Trường cũng đã tham khảo ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý Y tế tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, phòng khám Khu vực trong tỉnh và các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Miền Đông Nam Bộ.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sỹ trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức chuyên môn cơ bản, có kỹ năng nghề nghiệp về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành, có khả năng tự học vươn lên để góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn dược.
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.
- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược.
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu.
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu.
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc.
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các dạng bào chế.
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm).
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng.
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm.
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng.
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp.
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi.
- Phân tích được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b) Về kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng.
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp.
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý.
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc.
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định.
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định.
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển.
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định.
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định.
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản.
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định.
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân.
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ.
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn - hiệu quả - hợp lý.
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định.
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc.
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình.
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định.
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi.
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng.
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao.

- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR).
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.
 - Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược.
 - Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm.
 - Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất.
 - Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả.
 - Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm.
 - Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
 - Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
 - Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm; Đảm bảo chất lượng; Bán lẻ thuốc; Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế; Thủ kho dược và vật tư y tế; Kinh doanh dược phẩm; Sản xuất thuốc; Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ:

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn.
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học: 36 môn học
- Số tín chỉ: 105 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.640 giờ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành: 405 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.500 giờ
- Khối lượng các môn học tự chọn: 300 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 815 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thực tế tốt nghiệp: 1.718 giờ
- Kiểm tra: 107 giờ
- Thời gian khóa học: 03 năm

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Khung chương trình đào tạo

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			KT
				LT	TH		
					TH1	TH2	
I	Các môn học chung						
1140353	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0	75	36		35	4
1140392	Giáo dục thể chất	0	60	5		51	4
1141057	Chính trị	4	75	41	29		5
1140505	Tiếng Anh	5	120	42	28	44	6
1140196	Tin học	3	75	14		58	3
1140914	Pháp luật	2	30	18	10		2
Tổng		14	435	156	67	188	24
II	Các môn đào tạo bắt buộc						
II.1	Các môn học cơ sở Ngành						
1140193	Xác suất, thống kê Y học	2	45	14	29		2
1140271	Sinh học và Di truyền	2	45	14	29		2
1141165	Giải phẫu - Sinh lý	3	75	14	58		3
1130771	Bệnh học	3	45	43			2
1130264	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29		2
1140422	Hóa học đại cương - Vô cơ	2	45	14	29		2
1140436	Hoá hữu cơ	3	75	14	29	29	3
1140612	Hoá sinh	2	30	28			2
Tổng		19	405	155	203	29	18

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			KT	
				LT	TH			
					TH1	TH2		TH3
II.2	Các môn học chuyên môn ngành, nghề							
1120393	Thực vật dược & Viết - Đọc tên thuốc	4	90	28	29	29	4	
1120485	Hóa phân tích	4	90	28	29	29	4	
1120496	Hóa dược	4	90	28	29	29	4	
1120455	Dược lý 1	3	60	28	29		3	
1120637	Dược lý 2	4	90	28	29	29	4	
1120522	Dược liệu	5	105	42	29	29	5	
1120213	Bào chế 1	3	60	28		29	3	
1120211	Bào chế 2	4	75	42		29	4	
1120514	Kiểm nghiệm	5	105	42	29	29	5	
1120258	Dược lâm sàng	5	150	28	28		90	4
1120606	Quản lý tồn trữ thuốc	3	120		28		90	2
1120262	Tổ chức và Quản lý dược	2	45	14	29			2
1120543	Pháp chế Dược	2	45	14	29			2
1120523	Dược học cổ truyền	2	45	14	29			2
1120556	Đảm bảo chất lượng	3	60	28	29			3
1120619	Thực tế ngành	6	270	0	0		269	1
Tổng		59	1500	392	375	232	449	52
II.3	Các môn học tự chọn							
	Kiến thức tự chọn 1 (Kinh doanh dược)							
1141196	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
1141194	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	14	29			2
1120532	Kinh tế Dược	2	30	28				2
1120570	Quản trị kinh doanh dược	2	30	28				2
1120582	Marketing Dược	2	30	28				2
1120648	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	3	120		27		90	3
Tổng		13	300	112	85	0	90	13
	Kiến thức tự chọn 2 (Kiểm nghiệm)							
1141196	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
1141194	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	14	29			2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			KT	
				LT	TH			
					TH1	TH2		TH3
1120592	Kiểm định phương pháp phân tích kiểm nghiệm	2	30	28				2
1120534	Kiểm định thuốc bằng phương pháp Hóa lý, Vi sinh 1	2	30	28				2
1120535	Kiểm định thuốc bằng phương pháp Hóa lý, Vi sinh 2	2	30	28				2
1120554	Kiểm định thuốc bằng thiết bị, công cụ	3	120		27		90	3
TỔNG		13	300	112	85	0	90	13
TỔNG CỘNG		105	2640	815	730	449	539	107

TH1 là thực hành tại lớp/thảo luận

TH2 là thực hành tại Phòng thí nghiệm/SKILL LAB

TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành

KT là kiểm tra

Ghi chú: Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ.

BẢNG PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	HK	Thứ tự
1	Chính trị	4	75	41	29			1	1
2	Tin học	3	75	14		58		1	2
3	Hóa học đại cương - Vô cơ	2	45	14	29			1	3
4	Tổ chức và Quản lý dược	2	45	14	29			1	4
5	Pháp luật	2	30	18	10			1	5
6	Sinh học và Di truyền	2	45	14	29				6
7	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29			1	7
8	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		75	36		35		1	8
9	Giáo dục thể chất		60	5		51		1	9
	Học kì 1	17	495	170	155	144	0		
10	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		2	1
11	Hoá hữu cơ	3	75	14	29	29		2	2
12	Hóa phân tích	4	90	28	29	29		2	3
13	Thực vật dược & Viết - Đọc tên thuốc	4	90	28	29	29		2	4
14	Giải phẫu - Sinh lý	3	75	14	58			2	5
	Học kì 2	19	450	126	173	131	0		
15	Kinh tế Dược	2	30	28	0			3	1
16	Hoá sinh	2	30	28				3	2
17	Hóa dược	4	90	28	29	29		3	3
18	Bào chế 1	3	60	28		29		3	4
19	Dược liệu	5	105	42	29	29		3	5
20	Dược lý 1	3	60	28	29			3	6
21	Bệnh học	3	45	43	0			3	7
	Học kì 3	22	420	225	87	87	0		
22	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			4	1
23	Bào chế.2	4	75	42		29		4	2
24	Dược lý 2	4	90	28	29	29		4	3
25	Kiểm nghiệm	5	105	42	29	29		4	4
26	Quản trị kinh doanh Dược	2	30	28	0			4	5
	Học kì 4	17	345	154	87	87	0		

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	HK	Thứ tự
27	Pháp chế Dược	2	45	14	29			5	1
28	Dược lâm sàng	5	150	28	28		90	5	2
29	Dược học cổ truyền	2	45	14	29			5	3
30	Quản lý tồn trữ thuốc	3	120	0	28		90	5	4
31	Kỹ năng giao tiếp, bán hàng	3	120	0	27		90	5	5
	Học kì 5	15	480	56	141	0	270		
32	Xác suất - Thống kê Y dược	2	45	14	29			6	1
33	PP Nghiên cứu khoa học	2	45	14	29			6	2
34	Marketing Dược	2	30	28	0			6	3
35	Đảm bảo chất lượng	3	60	28	29			6	4
36	Thực tế ngành	6	270	0	0		269	6	5
	Học kì 6	15	450	84	87	0	269		
	Tổng cộng	105	2640	815	730	449	539		

3.2. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1/ Giáo dục quốc phòng và an ninh

Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2/ Giáo dục thể chất

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3/ Chính trị

Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTĐBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.

4/ Tiếng Anh

Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5/ Tin học

Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

6/ Pháp luật

Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

7/ Xác suất – thống kê Y học

Bổ sung các nội dung toán học phục vụ cho thống kê. Tổng quan về xác suất, khái niệm về thống kê, đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm tra giả thiết, so sánh mẫu quan sát, phân tích hồi quy tương quan một biến số và hai biến số..., ứng dụng trong y, dược.

8/ Sinh học và di truyền

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về sinh học đại cương, chủ yếu tập trung vào các nội dung liên quan đến chuyên môn dược như: Tế bào, các quy luật di truyền, sinh học phân tử, sinh phẩm dùng làm thuốc.

9/ Giải phẫu – Sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền.

Giới thiệu kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể con người, giúp cho việc nghiên cứu tác dụng của thuốc trên mô, tế bào, các cơ quan, tổ chức cơ thể con người. Các hoạt động sinh lý chủ yếu của các bộ phận trong cơ thể con người; các cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vắc xin và ứng dụng chúng trong việc phòng chống bệnh tật.

10/ Bệnh học

- Điều kiện tiên quyết đã học môn: Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng.

- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về một số bệnh thường gặp bao gồm các nội dung: nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, phòng và điều trị.

11/ Vi sinh – Ký sinh trùng

- Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.

- Giới thiệu kiến thức cơ bản Vi sinh và Ký sinh trùng trong Y học.

12/ Hoá học đại cương - Vô cơ

- Hoá đại cương: Các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, các loại phản ứng hoá học, điện hoá học, các hệ keo.

- Hoá vô cơ: một số loại hợp chất vô cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược.

13/ Hoá hữu cơ

- Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương - vô cơ.

- Cấu trúc, danh pháp...các nhóm hợp chất hữu cơ quan trọng như: phenol, aldehyd, các acid carboxylic và dẫn xuất, dị vòng và alcaloit, terpenoid, carotenoid, steroid...

14/ Hoá sinh

- Điều kiện tiên quyết: Hoá hữu cơ

- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các hiện tượng hoá học xảy ra trong cơ thể người và ứng dụng chúng trong công tác nghiên cứu về thuốc và xét nghiệm cận lâm sàng, giúp cho công tác chẩn đoán và điều trị bệnh.

15/ Thực vật dược & Viêt - đọc tên thuốc

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực vật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu, sưu tầm, kiểm nghiệm dược liệu.

- Viêt và đọc đúng tên các nguyên tố hóa học, hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Latin.

- Viết và đọc đúng tên các nguyên tố hóa học, hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Việt theo phiên âm Thuật ngữ quốc tế tiếng Latin.

16/ Hoá phân tích

- Điều kiện tiên quyết: Hoá đại cương- vô cơ.

- Các phương pháp phân tích dựa trên các phản ứng hoá học được ứng dụng nhiều trong ngành Dược.

17/ Hoá dược

- Điều kiện tiên quyết: Hoá hữu cơ.

- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về tổng hợp hoá dược, mối liên quan cấu trúc, tác dụng, tính chất lý hoá, chất lượng dược chất, cấu tạo, phương pháp điều chế, phương pháp kiểm nghiệm và áp dụng điều trị của nguyên liệu hoá dược.

18/ Dược lý 1

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – sinh lý, Hoá dược.

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về dược động học, dược lực học, dược lý học áp dụng cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả.

19/ Dược lý 2

- Điều kiện tiên quyết: Dược lý 1.

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về dược động học, dược lực học, dược lý học áp dụng cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả.

20/ Dược liệu

- Điều kiện tiên quyết: Thực vật Dược & Viết - đọc tên thuốc

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhận thức, kiểm nghiệm và sử dụng các cây con làm thuốc.

21/ Bào chế 1

- Điều kiện tiên quyết: Hóa dược, Dược lý

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản để bào chế các dạng thuốc thông dụng bằng quy trình và thiết bị công nghệ thích hợp, tiêu chuẩn chất lượng các dạng thuốc. Hướng dẫn sử dụng an toàn hợp lý.

22/ Bào chế 2

- Điều kiện tiên quyết: Bào chế 1

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản để bào chế các dạng thuốc thông dụng bằng quy trình và thiết bị công nghệ thích hợp, tiêu chuẩn chất lượng các dạng thuốc. Hướng dẫn sử dụng an toàn hợp lý.

23/ Kiểm nghiệm

- Điều kiện tiên quyết: Bào chế, Thực vật, Hoá dược.

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về:

+ Các phương pháp kiểm nghiệm thuốc theo đúng quy trình, quy phạm.

+ Các yếu tố và điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy cho các kết quả thí nghiệm.

+ Các nội dung về GLP, ISO, các biện pháp đảm bảo chất lượng thử nghiệm, thí nghiệm.

24/ Dược lâm sàng

- Điều kiện tiên quyết: Dược lý.

- Giúp sinh viên:

+ Có kiến thức cơ bản về môn học, các thông số dược học, động học cơ bản, tương tác thuốc, xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả, các nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc.

+ Ứng dụng các kiến thức đã học để nhận xét, phân tích các đơn thuốc được sử dụng trực tiếp tại các khoa thực tập lâm sàng

+ Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả

25/ Dược học cổ truyền:

- Giúp sinh viên:

+ Có các kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản y dược học cổ truyền một số khái niệm cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc theo nguyên lý y dược học cổ truyền; đặc trưng của vị thuốc cổ truyền (tính, vị, quy kinh, khuynh hướng tác dụng và tương tác thuốc);

+ Ứng dụng các kiến thức về đặc điểm tính vị, công năng chủ trị, vào thực tiễn sử dụng chung của các nhóm thuốc cổ truyền và các vị thuốc; các phương pháp cơ bản chế biến thuốc cổ truyền và một số quy trình chế biến vị thuốc.

26/ Đảm bảo chất lượng

- Điều kiện tiên quyết: Hóa dược, Bào chế, Dược liệu.

- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc và phòng ngừa phản ứng có hại do thuốc gây ra. Những kiến thức cần thiết khi sử dụng các loại thuốc kháng sinh, vitamin, chất khoáng, thuốc chống viêm được an toàn, hợp lý.

27/ Quản lý tồn trữ thuốc

- Điều kiện tiên quyết: Hoá dược, Dược liệu

- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quy trình bảo quản, quản lý tồn trữ thuốc và trang thiết bị, nội dung về GSP (Good store Practise).

28/ Tổ chức và quản lý Dược

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược: mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc, mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp và thực thi nhiệm vụ của một cán bộ dược có trình độ cao đẳng

29/ Pháp chế dược

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, chế độ quản lý và các quy trình quản lý trong mọi hoạt động thuộc ngành dược (kể cả vắc xin, sinh phẩm): luật dược, quy chế quản lý dược, lưu hành thuốc, sản xuất thuốc, dược chất...

30/ Thực tế ngành

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong phần kiến thức ngành và chuyên ngành.

- Giúp sinh viên:

+ Hoàn thiện kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành trước khi thi tốt nghiệp.

+ Bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động hành nghề Dược.

+ Đáp ứng được yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của một Dược sĩ trình độ cao đẳng theo chức danh và ngạch công chức đã qui định sau khi tốt nghiệp.

31/ Tiếng Anh chuyên ngành (tự chọn)

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh
- Chương trình này giúp cho người học có khả năng nói, đọc, viết, nghe hiểu những giao tiếp thông thường thuộc Anh văn chuyên ngành Dược.

32/ Phương pháp nghiên cứu khoa học (tự chọn)

- Điều kiện tiên quyết đã học môn: Xác suất- thống kê y dược- tin học .
- Giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu và nâng cao chất lượng thuốc phục vụ chăm sóc sức khỏe, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập cách trình bày một nghiên cứu khoa học.

33/ Kinh tế dược (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về kinh tế và kinh tế dược vận dụng trong quản lý, sản xuất kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm hiệu quả và đúng pháp luật. Bán buôn, bán lẻ, tổ chức quản lý nhà thuốc, hiệu thuốc, cơ sở sản xuất thuốc...

34/ Quản trị kinh doanh dược (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/ điều hành và kiểm tra/ kiểm soát.

35/ Marketing dược (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về marketing và marketing dược: Các chính sách trong marketing ứng dụng của những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm.

36/ Kỹ năng giao tiếp, bán hàng (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản các nguyên tắc bán hàng, phân phối thuốc, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và khách hàng, tâm lý khách hàng.

37/ Kiểm định phương pháp phân tích kiểm nghiệm (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: kiểm nghiệm thuốc.
- Giúp cho sinh viên:
 - + Ứng dụng được các kiến thức môn học vào thực tế kiểm nghiệm tại các công ty, trung tâm liên quan đến ngành dược.

+ Nâng cao kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến hiệu chuẩn và thẩm định phương pháp- thiết bị kiểm nghiệm.

38/ Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa lý – Vi sinh 1 (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: Kiểm nghiệm thuốc.
- Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về:
 - + Phương pháp định lượng thuốc bằng các máy phân tích hiệu năng cao.

- + Các kỹ thuật sắc ký trong công tác kiểm nghiệm thuốc.
- + Phương pháp thử vô trùng và phân tích được số lượng vi sinh vật trong dược phẩm.

39/ Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa lý – Vi sinh 2 (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: Kiểm nghiệm thuốc.
- Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về:
 - + Phương pháp định lượng thuốc bằng các máy phân tích hiệu năng cao.
 - + Các kỹ thuật sắc ký trong công tác kiểm nghiệm thuốc.
 - + Phương pháp thử vô trùng và phân tích được số lượng vi sinh vật trong dược phẩm.

40/ Kiểm định thuốc bằng thiết bị, công cụ (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: Kiểm nghiệm thuốc.
- Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về:
 - + Định tính, định lượng nguyên liệu và thành phẩm Dược.
 - + Các kỹ thuật cơ bản sử dụng các thiết bị UV- Vis, phổ IR, phân tích hiệu năng cao...

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tạo điều kiện cho sinh viên học theo phương thức thực hành theo năng lực, nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành nghề nghiệp của sinh viên.

4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm với 6 học kỳ chính.
- Nhà trường bố trí các môn học của 6 học kỳ đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

4.4. Thực tập, thực hành và thực tế ngành

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.
- Thực tế ngành được tổ chức vào cuối học kỳ VI (năm thứ 3) sau khi sinh viên đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần qui định. Cơ sở, địa bàn cho sinh viên đi thực tế ngành luôn đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Thời gian thực tập được thực hiện tại cơ sở: Khoa Dược bệnh viện/Công ty sản xuất dược phẩm/Trung tâm Kiểm nghiệm/Nhà thuốc tạo điều kiện cho sinh viên nhà trường có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

4.5. Phương pháp dạy-học

Yêu cầu về phương pháp đào tạo là:

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên;
- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy-học thực hành mô phỏng, thực hành bệnh viện năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giáo viên hướng dẫn thực hành;
- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

5. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THI KẾT THÚC MÔN HỌC

- Trong quá trình dạy học thực hành tại cơ sở: Công ty, Xí nghiệp, giảng viên nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở để thực hiện lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học
- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận;
- Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần; kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 1 tuần.

6. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp để quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CAO ĐẲNG DƯỢC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC THEO TÍN CHỈ
(Ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-CDYT ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)

- Tên ngành đào tạo : **Dược**
- Mã ngành : 6720201
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Vừa làm vừa học
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương)
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

Chương trình khung đào tạo Cao đẳng Dược hệ vừa làm vừa học theo tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành về quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng đào tạo Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương đã tham khảo Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hiện đang được giảng dạy tại các trường Cao đẳng Y tế trong nước, Trường cũng đã tham khảo ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý Y tế tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, phòng khám Khu vực trong tỉnh và các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Miền Đông Nam Bộ.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sỹ trình độ Cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức chuyên môn cơ bản, có kỹ năng nghề nghiệp về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành, có khả năng tự học vươn lên để góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật vào chuyên môn được.
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam.
- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược.
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu.
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu.
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc.
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các dạng bào chế.
- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm).
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng.
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm.
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng.
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp.
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi.
- Phân tích được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b) Về kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng.
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp.
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý.
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc.
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định.
- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định.
- Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển.
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định.
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định.
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản.
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định.
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân.
- Xác định được tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ.
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn - hiệu quả - hợp lý.
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định.
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc.
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình.
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định.
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi.
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng.
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao.

- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR).
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược.
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế thông thường - dược liệu - hóa chất.
- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả.
- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm.
- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm; Đảm bảo chất lượng; Bán lẻ thuốc; Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế; Thủ kho dược và vật tư y tế; Kinh doanh dược phẩm; Sản xuất thuốc; Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ:

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn.
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học: 34 môn học
- Số tín chỉ: 105 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.505 giờ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 300 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở ngành: 405 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.500 giờ
- Khối lượng các môn học tự chọn: 300 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 774 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thực tế tốt nghiệp: 1.632 giờ
- Kiểm tra: 99 giờ
- Thời gian khóa học: 03 năm

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Khung chương trình đào tạo

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			KT	
				LT	TH			
					TH1	TH2		TH3
I	Các môn học chung							
1141057	Chính trị	4	75	41	29		5	
1140505	Tiếng Anh	5	120	42	28	44	6	
1140196	Tin học	3	75	14		58	3	
1140914	Pháp luật	2	30	18	10		2	
Tổng		14	300	115	67	102	16	
II	Các môn đào tạo bắt buộc							
II.1	Các môn học cơ sở Ngành							
1140193	Xác suất, thống kê Y học	2	45	14	29		2	
1140271	Sinh học và Di truyền	2	45	14	29		2	
1141165	Giải phẫu - Sinh lý	3	75	14	58		3	
1130771	Bệnh học	3	45	43			2	
1130264	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29		2	
1140422	Hóa học đại cương - Vô cơ	2	45	14	29		2	
1140436	Hoá hữu cơ	3	75	14	29	29	3	
1140612	Hoá sinh	2	30	28			2	
Tổng		21	405	155	203	29	0	18
II.2	Các môn học chuyên môn ngành, nghề							
1120393	Thực vật dược & Viết - Đọc tên thuốc	4	90	28	29	29	4	

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)				KT
				LT	TH			
					TH1	TH2	TH3	
1120485	Hóa phân tích	4	90	28	29	29		4
1120496	Hóa dược	4	90	28	29	29		4
1120455	Dược lý 1	3	60	28	29			3
1120637	Dược lý 2	4	90	28	29	29		4
1120522	Dược liệu	5	105	42	29	29		5
1120213	Bào chế 1	3	60	28		29		3
1120211	Bào chế 2	4	75	42		29		4
1120514	Kiểm nghiệm	5	105	42	29	29		5
1120258	Dược lâm sàng	5	150	28	28		90	4
1120606	Quản lý tồn trữ thuốc	3	120		28		90	2
1120262	Tổ chức và Quản lý dược	2	45	14	29			2
1120543	Pháp chế Dược	2	45	14	29			2
1120523	Dược học cổ truyền	2	45	14	29			2
1120556	Đảm bảo chất lượng	3	60	28	29			3
1120619	Thực tế ngành	6	270	0	0		269	1
Tổng		59	1500	392	375	232	449	52
II.3	Các môn học tự chọn							
	Kiến thức tự chọn 1 (Kinh doanh dược)							
1141196	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
1141194	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	14	29			2
1120532	Kinh tế Dược	2	30	28				2
1120570	Quản trị kinh doanh dược	2	30	28				2
1120582	Marketing Dược	2	30	28				2
1120648	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	3	120		27		90	3
Tổng		13	300	112	85	0	90	13
	Kiến thức tự chọn 2 (Kiểm nghiệm)							
1141196	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2
1141194	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	14	29			2
1120592	Kiểm định pp phân tích kiểm nghiệm	2	30	28				2
1120534	Kiểm định thuốc bằng pp Hóa lý, Vi sinh 1	2	30	28				2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)			KT	
				LT	TH			
					TH1	TH2		TH3
1120535	Kiểm định thuốc bằng pp Hóa lý, Vi sinh 2	2	30	28			2	
1120554	Kiểm định thuốc bằng thiết bị, công cụ	3	120		27		90	3
TỔNG		13	300	112	85	0	90	13
TỔNG CỘNG		105	2505	774	730	363	539	99

TH1 là thực hành tại lớp/thảo luận

TH2 là thực hành tại Phòng thí nghiệm/SKILL LAB

TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành

KT là kiểm tra

Ghi chú: Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ.

BẢNG PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	HK	Thứ tự
1	Chính trị	4	75	41	29			1	1
2	Tin học	3	75	14		58		1	2
3	Hóa học đại cương - Vô cơ	2	45	14	29			1	3
4	Tổ chức và Quản lý dược	2	45	14	29			1	4
5	Pháp luật	2	30	18	10			1	5
6	Sinh học và Di truyền	2	45	14	29				6
7	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	29			1	7
	Học kì 1	17	360	129	155	58	0		
8	Tiếng Anh	5	120	42	28	44		2	1
9	Hoá hữu cơ	3	75	14	29	29		2	2
10	Hóa phân tích	4	90	28	29	29		2	3
11	Thực vật dược & Viết - Đọc tên thuốc	4	90	28	29	29		2	4
12	Giải phẫu - Sinh lý	3	75	14	58			2	5
	Học kì 2	19	450	126	173	131	0		
13	Kinh tế Dược	2	30	28	0			3	1
14	Hoá sinh	2	30	28				3	2
15	Hóa dược	4	90	28	29	29		3	3
16	Bào chế 1	3	60	28		29		3	4
17	Dược liệu	5	105	42	29	29		3	5
18	Dược lý 1	3	60	28	29			3	6
19	Bệnh học	3	45	43	0			3	7
	Học kì 3	22	420	225	87	87	0		
20	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			4	1
21	Bào chế 2	4	75	42		29		4	2
22	Dược lý 2	4	90	28	29	29		4	3
23	Kiểm nghiệm	5	105	42	29	29		4	4
24	Quản trị kinh doanh Dược	2	30	28	0			4	5
	Học kì 4	17	345	154	87	87	0		
25	Pháp chế Dược	2	45	14	29			5	1
26	Dược lâm sàng	5	150	28	28		90	5	2
27	Dược học cổ truyền	2	45	14	29			5	3
28	Quản lý tồn trữ thuốc	3	120	0	28		90	5	4
29	Kỹ năng giao tiếp, bán hàng	3	120	0	27		90	5	5
	Học kì 5	15	480	56	141	0	270		

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	LT	TH1	TH2	TH3	HK	Thứ tự
30	Xác suất - Thống kê Y dược	2	45	14	29			6	1
31	PP Nghiên cứu khoa học	2	45	14	29			6	2
32	Marketing Dược	2	30	28	0			6	3
33	Đảm bảo chất lượng	3	60	28	29			6	4
34	Thực tế ngành	6	270	0	0		269	6	5
	Học kì 6	15	450	84	87	0	269		
	Tổng cộng	105	2505	774	730	363	539		

3.2. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1/ Chính trị

Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2/ Tiếng Anh

Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3/ Tin học

Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

4/ Pháp luật

Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

5/ Xác suất – thống kê Y học

Bổ sung các nội dung toán học phục vụ cho thống kê. Tổng quan về xác suất, khái niệm về thống kê, đặc trưng thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, ước lượng điểm và ước lượng khoảng, kiểm tra giả thiết, so sánh mẫu quan sát, phân tích hồi quy tương quan một biến số và hai biến số..., ứng dụng trong y, dược.

6/ Sinh học và di truyền

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về sinh học đại cương, chủ yếu tập trung vào các nội dung liên quan đến chuyên môn dược như: Tế bào, các quy luật di truyền, sinh học phân tử, sinh phẩm dùng làm thuốc.

7/ Giải phẫu – Sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền.

Giới thiệu kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể con người, giúp cho việc nghiên cứu tác dụng của thuốc trên mô, tế bào, các cơ quan, tổ chức cơ thể con người. Các hoạt động sinh lý chủ yếu của các bộ phận trong cơ thể con người; các cơ chế hình thành miễn dịch, nguyên lý tác dụng của vắc xin và ứng dụng chúng trong việc phòng chống bệnh tật.

8/ Bệnh học

- Điều kiện tiên quyết đã học môn: Giải phẫu – Sinh lý, Vi sinh – Ký sinh trùng.
- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về một số bệnh thường gặp bao gồm các nội dung: nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán, phòng và điều trị.

9/ Vi sinh – Ký sinh trùng

- Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.
- Giới thiệu kiến thức cơ bản Vi sinh và Ký sinh trùng trong Y học.

10/ Hoá học đại cương - Vô cơ

- Hoá đại cương: Các khái niệm và định luật cơ bản về hoá học, các nguyên lý nhiệt động hoá học, cấu tạo chất, các loại phản ứng hoá học, điện hoá học, các hệ keo.
- Hoá vô cơ: một số loại hợp chất vô cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược.

11/ Hoá hữu cơ

- Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương - vô cơ.
- Cấu trúc, danh pháp...các nhóm hợp chất hữu cơ quan trọng như: phenol, aldehyd, các acid carboxylic và dẫn xuất, dị vòng và alcaloit, terpenoid, carotenoid, steroid...

12/ Hoá sinh

- Điều kiện tiên quyết: Hoá hữu cơ
- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các hiện tượng hoá học xảy ra trong cơ thể người và ứng dụng chúng trong công tác nghiên cứu về thuốc và xét nghiệm cận lâm sàng, giúp cho công tác chẩn đoán và điều trị bệnh.

13/ Thực vật dược & Viêt - đọc tên thuốc

- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực vật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu, sưu tầm, kiểm nghiệm dược liệu.
- Viêt và đọc đúng tên các nguyên tố hóa học, hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Latin.
- Viêt và đọc đúng tên các nguyên tố hóa học, hóa chất, thuốc, cây thuốc thông dụng bằng tiếng Việt theo phiên âm Thuật ngữ quốc tế tiếng Latin.

14/ Hoá phân tích

- Điều kiện tiên quyết: Hoá đại cương- vô cơ.
- Các phương pháp phân tích dựa trên các phản ứng hoá học được ứng dụng nhiều trong ngành Dược.

15/ Hoá dược

- Điều kiện tiên quyết: Hoá hữu cơ.
- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về tổng hợp hoá dược, mối liên quan cấu trúc, tác dụng, tính chất lý hoá, chất lượng dược chất, cấu tạo, phương pháp điều chế, phương pháp kiểm nghiệm và áp dụng điều trị của nguyên liệu hoá dược.

16/ Dược lý 1

- Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu – sinh lý, Hoá dược.
- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về dược động học, dược lực học, dược lý học áp dụng cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả.

17/ Dược lý 2

- Điều kiện tiên quyết: Dược lý 1.
- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về dược động học, dược lực học, dược lý học áp dụng cho việc hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả.

18/ Dược liệu

- Điều kiện tiên quyết: Thực vật Dược
- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhận thức, kiểm nghiệm và sử dụng các cây con làm thuốc.

19/ Bào chế 1

- Điều kiện tiên quyết: Hóa dược, Dược lý
- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản để bào chế các dạng thuốc thông dụng bằng quy trình và thiết bị công nghệ thích hợp, tiêu chuẩn chất lượng các dạng thuốc. Hướng dẫn sử dụng an toàn hợp lý.

20/ Bào chế 2

- Điều kiện tiên quyết: Bào chế 1
- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản để bào chế các dạng thuốc thông dụng bằng quy trình và thiết bị công nghệ thích hợp, tiêu chuẩn chất lượng các dạng thuốc. Hướng dẫn sử dụng an toàn hợp lý.

21/ Kiểm nghiệm

- Điều kiện tiên quyết: Bào chế, Thực vật, Hoá dược.
- Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về:
 - + Các phương pháp kiểm nghiệm thuốc theo đúng quy trình, quy phạm.
 - + Các yếu tố và điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy cho các kết quả thí nghiệm.
 - + Các nội dung về GLP, ISO, các biện pháp đảm bảo chất lượng thử nghiệm, thí nghiệm.

22/ Dược lâm sàng

- Điều kiện tiên quyết: Dược lý.
- Giúp sinh viên:
 - + Có kiến thức cơ bản về môn học, các thông số dược học, động học cơ bản, tương tác thuốc, xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả, các nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc.
 - + Ứng dụng các kiến thức đã học để nhận xét, phân tích các đơn thuốc được sử dụng trực tiếp tại các khoa thực tập lâm sàng
 - + Sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả

23/ Dược học cổ truyền:

- Giúp sinh viên:
 - + Có các kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản y dược học cổ truyền một số khái niệm cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc theo nguyên lý y dược học cổ truyền; đặc trưng của vị thuốc cổ truyền (tính, vị, quy kinh, khuynh hướng tác dụng và tương tác thuốc);

+ Ứng dụng các kiến thức về đặc điểm tính vị, công năng chủ trị, vào thực tiễn sử dụng chung của các nhóm thuốc cổ truyền và các vị thuốc; các phương pháp cơ bản chế biến thuốc cổ truyền và một số quy trình chế biến vị thuốc.

24/ Đảm bảo chất lượng

- Điều kiện tiên quyết: Hóa dược, Bào chế, Dược liệu.
- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc và phòng ngừa phản ứng có hại do thuốc gây ra. Những kiến thức cần thiết khi sử dụng các loại thuốc kháng sinh, vitamin, chất khoáng, thuốc chống viêm được an toàn, hợp lý.

25/ Quản lý tồn trữ thuốc

- Điều kiện tiên quyết: Hoá dược, Dược liệu
- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quy trình bảo quản, quản lý tồn trữ thuốc và trang thiết bị, nội dung về GSP (Good store Practise).

26/ Tổ chức và quản lý Dược

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược: mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc, mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp và thực thi nhiệm vụ của một cán bộ dược có trình độ cao đẳng

27/ Pháp chế dược

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, chế độ quản lý và các quy trình quản lý trong mọi hoạt động thuộc ngành dược (kể cả vắc xin, sinh phẩm): luật dược, quy chế quản lý dược, lưu hành thuốc, sản xuất thuốc, dược chất...

28/ Thực tế ngành

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong phần kiến thức ngành và chuyên ngành.
- Giúp sinh viên:
 - + Hoàn thiện kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành trước khi thi tốt nghiệp.
 - + Bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động hành nghề Dược.

+ Đáp ứng được yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của một Dược sĩ trình độ cao đẳng theo chức danh và ngạch công chức đã qui định sau khi tốt nghiệp.

29/ Tiếng Anh chuyên ngành (tự chọn)

- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh
- Chương trình này giúp cho người học có khả năng nói, đọc, viết, nghe hiểu những giao tiếp thông thường thuộc Anh văn chuyên ngành Dược.

30/ Phương pháp nghiên cứu khoa học (tự chọn)

- Điều kiện tiên quyết đã học môn: Xác suất- thống kê y dược- tin học .
- Giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu và nâng cao chất lượng thuốc phục vụ chăm sóc sức khỏe, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập cách trình bày một nghiên cứu khoa học.

31/ Kinh tế dược (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về kinh tế và kinh tế dược vận dụng trong quản lý, sản xuất kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm hiệu quả và đúng pháp luật. Bán buôn, bán lẻ, tổ chức quản lý nhà thuốc, hiệu thuốc, cơ sở sản xuất thuốc...

32/ Quản trị kinh doanh dược (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/ điều hành và kiểm tra/ kiểm soát.

33/ Marketing dược (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về marketing và marketing dược: Các chính sách trong marketing ứng dụng của những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm.

34/ Kỹ năng giao tiếp, bán hàng (tự chọn 1)

Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản các nguyên tắc bán hàng, phân phối thuốc, kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và khách hàng, tâm lý khách hàng.

35/ Kiểm định phương pháp phân tích kiểm nghiệm (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: kiểm nghiệm.
- Giúp cho sinh viên:
 - + Ứng dụng được các kiến thức môn học vào thực tế kiểm nghiệm tại các công ty, trung tâm liên quan đến ngành dược.
 - + Nâng cao kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến hiệu chuẩn và thẩm định phương pháp- thiết bị kiểm nghiệm.

36/ Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa lý – Vi sinh 1 (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: kiểm nghiệm.
- Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về:
 - + Phương pháp định lượng thuốc bằng các máy phân tích hiệu năng cao.
 - + Các kỹ thuật sắc ký trong công tác kiểm nghiệm thuốc.
 - + Phương pháp thử vô trùng và phân tích được số lượng vi sinh vật trong dược phẩm.

37/ Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa lý – Vi sinh 2 (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: kiểm nghiệm.
- Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về:
 - + Phương pháp định lượng thuốc bằng các máy phân tích hiệu năng cao.
 - + Các kỹ thuật sắc ký trong công tác kiểm nghiệm thuốc.
 - + Phương pháp thử vô trùng và phân tích được số lượng vi sinh vật trong dược phẩm.

38/ Kiểm định thuốc bằng thiết bị, công cụ (tự chọn 2)

- Điều kiện tiên quyết: đã học môn: kiểm nghiệm.
- Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về:
 - + Định tính, định lượng nguyên liệu và thành phẩm Dược.

+ Các kỹ thuật cơ bản sử dụng các thiết bị UV- Vis, phổ IR, phân tích hiệu năng cao...

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tạo điều kiện cho sinh viên học theo phương thức thực hành theo năng lực, nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành nghề nghiệp của sinh viên.

4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm với 6 học kỳ chính.

- Nhà trường bố trí các môn học của 6 học kỳ đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

4.4. Thực tập, thực hành và thực tế ngành

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

- Thực tế ngành được tổ chức vào cuối học kỳ VI (năm thứ 3) sau khi sinh viên đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần qui định. Cơ sở, địa bàn cho sinh viên đi thực tế ngành luôn đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thời gian thực tập được thực hiện tại cơ sở: Khoa Dược bệnh viện/Công ty sản xuất dược phẩm/Trung tâm Kiểm nghiệm/Nhà thuốc tạo điều kiện cho sinh viên nhà trường có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

4.5. Phương pháp dạy-học

Yêu cầu về phương pháp đào tạo là:

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên;
- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy-học thực hành mô phỏng, thực hành bệnh viện năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giáo viên hướng dẫn thực hành;
- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

5. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THI KẾT THÚC MÔN HỌC

- Trong quá trình dạy học thực hành tại cơ sở: Công ty, Xí nghiệp, giảng viên nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở để thực hiện lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học

- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận;

- Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần; kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 1 tuần.

6. HƯỚNG DẪN XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;

- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đơn gửi nhà trường đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;

- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét tốt nghiệp để quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**
Nguyễn Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRUNG CẤP Y SỸ ĐA KHOA THEO TÍN CHỈ

*(Ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-CDYT ngày 08 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương)*

- | | |
|------------------------|---|
| - Tên ngành đào tạo | : Y sỹ đa khoa |
| - Mã ngành | : 5720101 |
| - Trình độ đào tạo | : Trung cấp |
| - Hình thức đào tạo | : Chính quy tập trung |
| - Đối tượng tuyển sinh | : Tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) |
| - Thời gian đào tạo | : 2 năm (4 học kỳ) |

Chương trình khung đào tạo Trung cấp y sỹ đa khoa hệ chính quy theo tín chỉ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT- BLĐT BXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Trong quá trình biên soạn, Hội đồng đào tạo Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương đã tham khảo Chương trình đào tạo trình độ trung cấp hiện đang được giảng dạy tại các trường Cao đẳng Y tế trong nước, Trường cũng đã tham khảo ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý Y tế tại các Bệnh viện, Trung tâm Y tế, phòng khám Khu vực trong tỉnh và các tỉnh, thành phố khu vực miền Đông Nam bộ.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo người y sỹ đa khoa: Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn ở trình độ trung cấp, làm nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân tại tuyến y tế cơ sở.
- Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh.
- Có đủ sức khỏe, không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

- + Cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người.
- + Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Trình bày được luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường
- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu tại tuyến y tế cơ sở
- Làm được một số thủ thuật theo qui định của Bộ Y tế.
- Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá qui định và khả năng giải quyết của tuyến y tế cơ sở.
- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.
- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở.
- Quản lý trạm y tế xã.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, tận tụy với sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể làm việc được ở các Bệnh viện, Trung tâm y tế, các cơ quan đơn vị chuyên ngành y tế khác hoặc các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần y tế.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC:

- Số lượng môn học: 27 môn học
- Số tín chỉ: 68 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.770 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 300 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên ngành: 1.065 giờ
- Khối lượng các môn tự chọn: 120 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 625 giờ
- Khối lượng thực hành: 1.093 giờ
- Kiểm tra: 52 giờ

3. Nội dung chương trình – Bảng mô tả tóm tắt nội dung

3.1. Nội dung chương trình

MÃ MH	Tên môn học	Số TC	T.số	LT	TH 1	TH 2	TH 3	KT	HK
1140917	Giáo dục quốc phòng – An ninh		45	21	23	0	0	1	1
1140918	Giáo dục thể chất		30	4	0	25	0	1	1
1141058	Chính trị	2	30	28	0	0	0	2	4
1140915	Pháp luật	1	15	9	5	0	0	1	4
1140919	Tin học	2	45	14	0	29	0	2	2
1140920	Tiếng Anh	4	90	30	56	0	0	4	1
1140165	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29	0	0	2	3
Tổng học phần cơ bản		11	300	120	113	54	0	13	
1131164	Giải phẫu - Sinh lý ✓	4	90	29	29	29		3	1
1111962	Điều dưỡng cơ bản - Kỹ thuật điều dưỡng ✓	4	135	14		29	89	3	1
1140601	Vi sinh - Ký sinh trùng ✓	2	30	29				1	1
1111041	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm ✓	2	30	29				1	1
11302341	Dược lý ✓	2	30	29				1	1
1110251	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	2	30	29				1	4
1130081	Vệ sinh phòng bệnh ✓	2	30	29				1	4
1120141	Quản lý và tổ chức y tế ✓	2	30	29				1	4
Tổng học phần cơ sở và cơ sở ngành		20	405	217	29	58	89	12	

MÃ MH	Tên môn học	Số TC	T.số	LT	TH 1	TH 2	TH 3	KT	HK
1130233	Triệu chứng học	3	75	29			44	2	2
1130232	Bệnh học ngoại khoa	4	120	29			89	2	2
1130234	Bệnh học nội khoa	4	120	29			89	2	2
1130253	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	3	75	29			44	2	2
1130236	Sức khỏe trẻ em	3	75	29			44	2	3
1130237	Sức khỏe sinh sản	3	75	29			44	2	3
1130238	Y học cổ truyền	2	60	14			44	2	3
1130642	Y tế cộng đồng	2	60	14			44	2	3
1130239	Bệnh chuyên khoa	3	75	29			44	2	3
1111951	Phục hồi chức năng	2	30	29				1	4
1130240	Thực tập tốt nghiệp	4	180				175	5	4
1130064	Học phần chuyên ngành tự chọn (1 trong 2) Sức khỏe trẻ em bổ trợ Sức khỏe sinh sản bổ trợ	4	120	28			89	3	4
Tổng học phần chuyên ngành		37	1065	288	0	0	750	27	
Tổng Số		68	1,770	625	142	112	839	52	

Phân bố chương trình theo học kỳ

STT	Tên môn học	Số TC	T.số	LT	TH 1	TH 2	TH 3	KT	HK
Học kỳ I									
1	Giải phẫu - Sinh lý	4	90	29	29	29		3	1
2	Giáo dục thể chất		30	4	0	25		1	2
3	Tiếng Anh	4	90	30	56			4	3
4	Điều dưỡng cơ bản - Kỹ thuật điều dưỡng	4	135	14	0	29	89	3	5
5	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	29				1	4
6	Dược lý	2	30	29				1	6
7	Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30	29				1	7
8	Giáo dục quốc phòng – An ninh		45	21	23			1	
Tổng số Học kỳ I		18	480	185	108	83	89	15	
Học kỳ II									
1	Tin học	2	45	14	0	29		2	5
2	Triệu chứng học	3	75	29			44	2	1
3	Bệnh học ngoại khoa	4	120	29			89	2	2
4	Bệnh học nội khoa	4	120	29			89	2	3
5	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	3	75	29			44	2	4
Tổng số Học kỳ II		16	435	130	0	29	266	10	

STT	Tên môn học	Số TC	T.số	LT	TH 1	TH 2	TH 3	KT	HK
Học kỳ III									
1	Sức khỏe trẻ em	3	75	29			44	2	2
2	Sức khỏe sinh sản	3	75	29			44	2	1
3	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	14	29			2	3
4	Y học cổ truyền	2	60	14			44	2	4
5	Y tế cộng đồng	2	60	14			44	2	5
6	Bệnh chuyên khoa	3	75	29			44	2	6
Tổng số Học kỳ III		15	390	129	29	0	220	12	
Học kỳ IV									
1	Quản lý và tổ chức y tế	2	30	29				1	2
2	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	29				1	1
3	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	2	30	29				1	4
4	Phục hồi chức năng	2	30	29				1	3
5	Pháp luật	1	15	9	5			1	5
6	Chính trị	2	30	28				2	6
7	Thực tập tốt nghiệp	4	180				175	5	7
8	Sức khỏe trẻ em (Bổ trợ)	4	120	28			89	3	
Tổng số Học kỳ IV		19	465	181	5	0	264	15	
Tổng toàn khóa		68	1.770	625	142	112	839	52	

Ghi chú: Môn Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào tổng số tín chỉ

TH1 là thực hành tại lớp/thảo luận
TH2 là thực hành tại Phòng TN
TH3 là thực hành tại cơ sở thực hành
TT/HK là thứ tự trước sau trong học kỳ

3.2. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Giáo dục Quốc phòng – An ninh

Nội dung ban hành theo Thông tư 10/2018 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

2. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

3. Chính trị

Nội dung ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4. Pháp luật

Nội dung ban hành theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

5. Tin học

Nội dung ban hành theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

6. Tiếng Anh

Nội dung ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình

môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7. Tiếng Anh chuyên ngành

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng giao tiếp thông dụng. Nhờ đó, giúp cho người học có thể từng bước tiếp cận được với ngoại ngữ chuyên ngành và thực hiện giao tiếp thông thường.

8. Giải phẫu - Sinh lý

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác; quan sát được cấu trúc vi thể của các mô và những bộ phận chủ yếu của cơ thể người bình thường qua kính hiển vi quang học. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mỗi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn học khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập

9. Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh.

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản về điều dưỡng: lịch sử điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển, các học thuyết về điều dưỡng, qui trình điều dưỡng; các kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh.

10. Vi sinh – Ký sinh trùng

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý.

Môn học này cung cấp những kiến thức về đặc điểm vi sinh học cơ bản: hình thể, bắt màu, nuôi cấy, gây bệnh, miễn dịch. Mối tương tác giữa vi sinh – cơ thể con người, môi trường chi phối sự gây bệnh, chẩn đoán vi sinh. Giới thiệu một số vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp.

Cung cấp những kiến thức về đặc điểm hình thể, sinh lý, sinh thái, ký sinh, cấu tạo cơ quan và chu kỳ của các loại ký sinh trùng gây bệnh và truyền bệnh hay gặp cho người Việt Nam. Đặc điểm bệnh học, đặc điểm dịch tễ học và tác hại do ký sinh trùng gây nên.

11. Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm

Dinh dưỡng – Vệ sinh an toàn thực phẩm là môn học nghiên cứu mối quan hệ giữa thức ăn và con người. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này người học có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

12. Dược lý

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Vi sinh - Ký sinh.

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hấp thu, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể.

Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông dụng; nhận biết được hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản tại phòng thực tập; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

13. Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe

Cung cấp kiến thức cơ bản về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp, một số kỹ năng làm quen, lắng nghe, nói chuyện trước người bệnh, đồng nghiệp, kỹ năng giải quyết vấn đề xung đột và khắc phục khó khăn trong giao tiếp với bệnh nhân và thân nhân người bệnh.

14. Vệ sinh phòng bệnh

Cung cấp cho người học những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, mối liên hệ giữa môi trường – sức khỏe và biện pháp nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật; các yếu tố nguy cơ gây bệnh thường gặp có liên quan đến sức khỏe cộng đồng, đề xuất biện pháp giải quyết nhằm bảo vệ và cải tạo môi trường sống, đề phòng tai nạn và phòng bệnh.

15. Quản lý và Tổ chức y tế

Cung cấp cho người học kiến thức về tổ chức và hoạt động của hệ thống y tế Việt Nam từ Trung ương đến địa phương.

16. Triệu chứng học

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu sinh lý

Triệu chứng học là môn học cơ bản cho các môn y học lâm sàng, giúp trang bị, hướng dẫn cho sinh viên y khoa cách tiếp xúc bệnh nhân, khai thác các triệu chứng cơ năng, thăm khám lâm sàng, phát hiện các triệu chứng thực thể, hiểu rõ cơ chế bệnh sinh của các rối loạn bệnh lý, nắm vững các thăm dò xét nghiệm cận lâm sàng để chỉ định và nhận định giá trị của các kết quả, cuối cùng giúp phân tích và tổng hợp các triệu chứng phát hiện được để tiến tới chẩn đoán.

17. Bệnh truyền nhiễm xã hội

Điều kiện tiên quyết: Vi sinh - Ký sinh, Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương bệnh học nhiễm; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực truyền nhiễm; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh truyền nhiễm xã hội; Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên người bệnh.

18. Y học cổ truyền

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, Giải phẫu sinh lý.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương y học cổ truyền dân tộc; Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền dân tộc; Cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến y học cổ truyền dân tộc (lập kế hoạch và tổ chức thực hành khám và chăm sóc).

19. Bệnh học Nội khoa

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương bệnh học nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa (Nội chung và các chuyên khoa hệ Nội); Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên người bệnh.

20. Bệnh học Ngoại khoa

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương bệnh học ngoại khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực ngoại khoa (Ngoại chung và các chuyên khoa hệ Ngoại); Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên người bệnh.

21. Sức khỏe trẻ em

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên trẻ em.

22. Sức khỏe sinh sản

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương chăm sóc sức khỏe phụ nữ; Các vấn đề sức khỏe phụ nữ: giai đoạn trước – trong và sau đẻ. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ về lĩnh vực phụ khoa và kế hoạch hóa gia đình (lập kế hoạch và thực hành khám và chăm sóc người bệnh).

23. Phục hồi chức năng

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, Giải phẫu sinh lý, Bệnh học nội khoa, Bệnh học ngoại khoa.

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về y học phục hồi, phục hồi chức năng, chương trình phục hồi chức năng cho một số bệnh, phục hồi chức năng ở cộng đồng.

24. Y tế cộng đồng

Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về: Đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vai trò của người y sỹ trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng).

Cách xác định được tình trạng sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe,...).

25. Bệnh chuyên khoa

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học.

Cung cấp kiến thức cơ bản về các loại bệnh thường gặp ở Tai mũi họng, Mắt, Răng hàm mặt, thần kinh tâm thần và một số bệnh da liễu hay gặp; Các biện pháp giáo dục cho bệnh nhân ở cộng đồng để họ tự biết cách phòng bệnh, phát hiện sớm và đi điều trị.

26. Thực tập tốt nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Người học phải được học qua tất cả các học phần trên.

Đợt thực tập tốt nghiệp được thực hiện vào cuối khóa học, giúp cho người học có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của y sỹ đa khoa, bác sĩ điều trị...và thực hiện được bệnh án cho từng loại bệnh.

27. Học phần tự chọn: Sức khỏe trẻ em – Bổ trợ

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu sinh lý, Triệu chứng học, Sức khỏe trẻ em.

Trang bị cho người học các kiến thức nâng cao về: Sức khỏe trẻ em, đặc điểm sinh lý bệnh lý các giai đoạn phát triển ở trẻ em; Các vấn đề sức khỏe của trẻ em theo từng giai đoạn phát triển; Làm bệnh án và thực hành thăm khám trên trẻ em.

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH:

4.1. Các môn học chung bắt buộc

Theo quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học theo phương thức thực hành theo năng lực, nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành nghề nghiệp của người học.

4.3. Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 2 năm với 4 học kỳ chính.

Nhà trường bố trí các môn học của 4 học kỳ đảm bảo được tính lôgic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để người học học các môn khoa học cơ bản, cơ sở rồi mới học các môn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành.

4.4. Thực hành và thực tập tốt nghiệp

- Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản được tiến hành tại trường, tổ chức thực tập được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.
- Thực tập tốt nghiệp được tổ chức vào cuối học kỳ IV (năm thứ 2) sau khi người học đã học xong và đạt tất cả các môn học/học phần qui định. Cơ sở, địa bàn cho người học đi thực tế ngành luôn đáp ứng yêu cầu chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Thời gian học tập thực tế tăng cường tại các cơ sở bệnh viện, trạm y tế cho phép người học tại trường có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học và tích lũy những kiến thức thực tế hữu ích, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ngay khi còn đang học và lựa chọn được nơi làm việc phù hợp sau khi tốt nghiệp.

4.5. Phương pháp dạy-học

Yêu cầu về phương pháp đào tạo là:

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của người học;
- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy - học thực hành mô phỏng, thực hành bệnh viện năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giáo viên hướng dẫn thực hành;
- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực;
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện truy cập thông tin qua mạng internet...

5. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học

- Trong quá trình dạy học thực hành tại cơ sở: giảng viên nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cán bộ hướng dẫn tại cơ sở để thực hiện lượng giá, đánh giá môn học;
- Cuối mỗi học kỳ, Hiệu trưởng tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính;
- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, tiểu luận;
- Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo trước kỳ thi ít nhất 2 tuần; kỳ thi phụ được thông báo trước kỳ thi ít nhất 1 tuần.

6. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm môn học thuộc ngành đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định;

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.
- Hiệu trưởng căn cứ vào những điều kiện trên để quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học.

Bình Dương, ngày 08 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Chương